

Bản án số: 08 /2020/ HN-ST

Ngày: 16-01-2020

“V/v Ly hôn giữa ông P và bà L”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **LÊ VĂN THÀNH**

2. Ông **TRẦN TRUNG NHÂN**

- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Ông **NGUYỄN VĂN HẢI**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 791/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **PHẠM VĂN P**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: tổ 10, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà **LÊ THỊ KIM L**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: tổ 10, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Ông P có mặt, bà L xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Văn P trình bày:** Do quen biết ông và bà L xác lập quan hệ vợ chồng năm 1997, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2018 thì bà L bỏ về nhà mẹ ruột ở đến nay.

Con chung: Có 01 con chung tên Phạm Thị K, sinh ngày 19/8/1998, đã trưởng thành.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ông P yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà L.

Tại biên bản hòa giải ngày 03/01/2020 ông P yêu cầu ly hôn bà L. Con chung đã trưởng thành. Tài sản chung và nợ chung không có. Ông đã hỗ trợ cho bà L 15.000.000đồng xong.

- **Tại biên bản ghi lời khai bà Lê Thị Kim L trình bày:** Bà với ông P cưới nhau năm 1997, không có đăng ký kết hôn. Sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do ông P ghen tuông vô cớ rồi kiếm chuyện đánh bà, 02 người đã không sống chung khoảng 03 năm nay. Nay bà cũng đồng ý ly hôn ông P.

Con chung: Có 01 con chung tên Phạm Thị K, sinh ngày 19/8/1998, đã trưởng thành.

Tài sản chung: có 2.000m² đất vườn do ông P đứng tên và 01 căn nhà. Bà không có tranh chấp tài sản chỉ yêu cầu ông P hỗ trợ bà 15.000.000đồng công sức đóng góp.

Nợ chung không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 03/01/2020 bà L đồng ý ly hôn ông Phúc. Con chung đã trưởng thành. Tài sản chung và nợ chung không có. Bà đã nhận 15.000.000đồng của ông P xong.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện cái Bè. Về tố tụng thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự tuân thủ đúng qui định pháp luật. Ý kiến việc giải quyết vụ án: Ông P và bà L chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, đây là hôn nhân không hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận ông P và bà Loan là vợ chồng. Tài sản chung, nợ chung và con chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Ngày 03/01/2020 bà L có đơn xin giải quyết vắng mặt với lý do bận buôn bán không đến Tòa được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà.

Về nội dung: Xét thấy, ông P và bà L đã có thời gian tìm hiểu nhau trước khi xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1997. Trong quá trình chung sống giữa ông bà có phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ khoảng năm 2016 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án ông bà thống nhất ly hôn nhau. Tuy nhiên, do ông bà chung sống với nhau dù có đủ điều kiện để thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật nhưng vẫn không thực hiện do đó Hội đồng xét xử căn cứ theo qui định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận ông P và bà L là vợ chồng.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Thị K, sinh ngày 19/8/1998, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Phạm Văn P và bà Lê Thị Kim L là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Thị K, sinh ngày 19/8/1998, đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí:

- Ông Phạm Văn P phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST. Ông đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002696 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

5. Về thời hạn kháng cáo: Ông P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bà L thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Cái Bè;*
- *Chi cục THADS huyện Cái Bè;*
- *Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

TRẦN TÚ ANH

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 16 tháng 01 năm 2020
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Tú Anh**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông
Ông

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 791/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về “ Tranh chấp ly hôn” giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông **PHẠM VĂN PHÚC**, sinh năm 1975.
Địa chỉ: tổ 10, ấp Thái Hòa, xã An Thái Đông, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **LÊ THỊ KIM LOAN**, sinh năm 1983.
Địa chỉ: tổ 10, ấp Thái Hòa, xã An Thái Đông, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi bàn bạc thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 như sau:

Căn cứ vào Điều 147, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Phạm Văn Phúc và bà Lê Thị Kim Loan là vợ chồng.

2. Về con chung: tên Phạm Thị Kim Phụng, sinh ngày 19/8/1998, đã thành niên nên xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Ông Phạm Văn Phúc phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST. Ông đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002696 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

5. Về thời hạn kháng cáo: Ông Phúc có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bà Loan thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 16 tháng 01 năm 2020

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA